

# TÓM TẮT

Báo cáo này là một trong các chuyên khảo được phân tích dựa trên số liệu của cuộc Tổng điều tra dân số và nhà ở Việt Nam năm 2009, với mục đích đưa ra một bức tranh khái quát về thực trạng giáo dục ở Việt Nam và mối tương quan giữa giáo dục với biến động dân số. Bên cạnh số liệu mẫu 15% của Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2009, báo cáo cũng sử dụng số liệu từ 2 cuộc Tổng điều tra trước, đó là mẫu 5% của Tổng điều tra dân số năm 1989 và mẫu 3% của Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 1999. Báo cáo chuyên khảo này sử dụng các kỹ thuật thống kê mô tả, phân tích các mối tương quan, trình bày kết quả dưới dạng biểu, biểu đồ, và bản đồ.

Kết quả của Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2009 phản ánh một bức tranh khả quan về giáo dục của Việt Nam. Năm 2009, tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên biết đọc biết viết là 93,5%. Trong nhóm dân số từ 5 tuổi trở lên, có 24,7% đang đi học, 70,2% đã thôi học và chỉ có 5,1% chưa bao giờ đến trường. Việt Nam đang đi đúng hướng trong tiến trình phấn đấu cho các Mục tiêu phát triển thiên niên kỷ và những thành tựu mà Việt Nam đã đạt được trên hai khía cạnh: phổ cập giáo dục tiểu học và bình đẳng giới là đáng khích lệ. Tuy nhiên, số liệu Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2009 cho thấy vẫn còn khoảng cách lớn giữa nam và nữ trong lĩnh vực giáo dục (từ tình trạng biết đọc biết viết, trình độ học vấn, đến trình độ chuyên môn kỹ thuật) tại các vùng kinh tế - xã hội, các tỉnh/thành phố, đặc biệt là ở nông thôn và những nơi có điều kiện kinh tế khó khăn. Vì vậy, nếu Chính phủ có những chính sách nhằm nâng cao trình độ học vấn, trình độ chuyên môn kỹ thuật cho phụ nữ, đặc biệt là phụ nữ nông thôn và phụ nữ ở những tỉnh kém phát triển thì sẽ tạo ra những động lực làm giảm sự bất bình đẳng giới trong lĩnh vực giáo dục và làm tăng các chỉ số đánh giá về giáo dục của các tỉnh kém phát triển và của Việt Nam.

Số liệu cho thấy có sự khác biệt giữa các vùng kinh tế - xã hội về tình trạng biết đọc biết viết và các chỉ số về giáo dục cơ bản khác. Đồng bằng sông Hồng và Đông Nam Bộ là hai vùng tiến bộ hơn so với các vùng còn lại, đặc biệt là so với hai vùng Trung du và miền núi phía Bắc và Tây Nguyên. Giữa các vùng kinh tế - xã hội và thành thị/nông thôn vẫn còn khoảng cách khá lớn giữa nam và nữ, đặc biệt ở hai vùng Trung du và miền núi phía Bắc và Tây Nguyên, tỷ lệ nữ giới từ 15 tuổi trở lên chưa biết đọc biết viết của nông thôn năm 2009 còn tương đương (thậm chí còn cao hơn) so với tỷ lệ này ở nam giới nông thôn 20 năm trước. Các tỉnh phía Nam có tỷ lệ dân số bỏ học trong độ tuổi 5-18 cao hơn nhiều so với các tỉnh phía Bắc, cao nhất là ở các tỉnh Bình Dương (30,8%), Bạc Liêu (26,2%), An Giang (25,9%) và Sóc Trăng (25,8%). Bên cạnh đó, Đồng bằng sông Cửu Long là nơi có các tỷ lệ như: tỷ lệ tốt nghiệp THPT trở lên, tỷ lệ được đào tạo nghề, tỷ lệ sơ cấp, trung cấp, cao đẳng trở lên ở mức thấp nhất cả nước.

Việt Nam vẫn đang phải đối mặt với tình trạng học vấn của các dân tộc ít người vẫn còn ở mức thấp. Các chương trình can thiệp ưu tiên cao cho nhóm dân số này sẽ giúp cải thiện được tình hình. Trước mắt, những nỗ lực giáo dục cần hướng tới việc tăng tỷ lệ nhập học đúng tuổi và phổ cập tiểu học cho các nhóm dân tộc ít người, đặc biệt chú trọng đến nhóm dân tộc Thái, Khmer và Mông là những nhóm có tỷ lệ nhập học bậc tiểu học ở mức thấp.

Trong 20 năm tới, gánh nặng của hệ thống giáo dục bậc tiểu học còn tiếp tục tăng. Điều này cần được tính đến trong các chiến lược quốc gia về giáo dục tiểu học. Gánh nặng lên hệ thống giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông đang có xu hướng giảm dần theo thời gian, mặc dù cũng phải sau năm 2029 mới giảm mạnh. Chính phủ cần phải chú trọng hơn nữa tới hệ thống giáo dục đại học và đào tạo nghề. Đây sẽ là một động thái phù hợp để nắm bắt cơ hội mà cơ hội dân số vàng mang lại và tăng cường sức cạnh tranh trong nền kinh tế toàn cầu.

Phân tích các mối quan hệ cho thấy:

- Có mối quan hệ thuận chiều giữa điều kiện kinh tế-xã hội với cơ hội giáo dục phổ cập. Các tỉnh có tỷ lệ hộ nghèo cao (điển hình là Trung du và miền núi phía Bắc và Tây Nguyên) cũng là các tỉnh có tỷ lệ dân số chưa bao giờ đến trường rất lớn.
- Có mối liên quan chặt chẽ giữa việc nâng cao trình độ chuyên môn kỹ thuật với việc giảm nghèo. Các tỉnh có thu nhập của hộ gia đình càng cao thì có tỷ lệ dân số tốt nghiệp cao đẳng trở lên càng cao. Tương tự như vậy, các tỉnh có tỷ lệ dân số tốt nghiệp cao đẳng trở lên cao thì cũng là những tỉnh có tỷ lệ hộ nghèo thấp hơn. Mối tương quan giữa tỷ lệ dân số có trình độ học vấn/trình độ chuyên môn kỹ thuật cao với thu nhập trung bình cao và tỷ lệ hộ nghèo thấp một lần nữa khẳng định sự quan tâm, đầu tư cho giáo dục sẽ có tác động mạnh đến phát triển kinh tế-xã hội.
- Tổng tỷ suất sinh (TFR) có mối tương quan ngược chiều với tỷ lệ biết đọc biết viết. Các tỉnh có tỷ lệ dân số biết đọc biết viết càng thấp thì tổng tỷ suất sinh càng cao. Bên cạnh đó, tuổi kết hôn trung bình lần đầu của phụ nữ cũng có mối liên quan với trình độ đào tạo chuyên môn kỹ thuật. Các tỉnh có tuổi kết hôn trung bình lần đầu của nữ thấp cũng đồng thời cũng là các tỉnh có tỷ lệ tốt nghiệp từ cao đẳng trở lên thấp. Mối tương quan giữa trình độ học vấn cao hơn với mức sinh thấp hơn và tuổi kết hôn trung bình lần đầu ở nữ cao hơn cho thấy nếu Chính phủ đạt được thành công trong việc nâng cao trình độ học vấn của người dân thì sẽ đóng góp vào công cuộc duy trì và bình ổn mức sinh thay thế. Ngược trở lại, những thành quả trong việc duy trì qui mô gia đình nhỏ sẽ mang lại nhiều cơ hội hơn cho phụ nữ, đặc biệt là những người có hoàn cảnh không thuận lợi, dân tộc thiểu số, khu vực nông thôn và người nghèo. Vấn đề này cần được tuyên truyền sâu rộng trong các chương trình vận động giảm sinh.

Cần có những chuyên đề nghiên cứu sâu hơn về thực trạng giáo dục tại Đồng bằng sông Cửu Long. Với tỷ lệ dân số 5-18 tuổi bỏ học của các tỉnh trong vùng khá cao, tỷ lệ dân số tốt nghiệp THPT trở lên, tỷ lệ dân số được đào tạo nghề, tỷ lệ dân số có trình độ sơ cấp, trung cấp và cao đẳng trở lên thấp nhất cả nước là vấn đề đáng quan tâm, đòi hỏi Chính phủ cần có những chính sách thích hợp với vùng Đồng bằng sông Cửu Long để nâng cao hiện trạng giáo dục tại vùng này.

Cuối cùng, các kết quả của Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2009 chủ yếu mang tính định lượng, chưa xét đến chất lượng của nền giáo dục Việt Nam, vì vậy cần có thêm nhiều nghiên cứu đánh giá về chất lượng giáo dục để giúp cho các nhà hoạch định chính sách đưa ra các quyết sách phù hợp.